

Họ và tên:Lớp 5A.....

Điểm	Giáo viên coi, chấm (ký và ghi rõ họ tên)	Phụ huynh học sinh (ký và ghi rõ họ tên)

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm): Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc thực hiện yêu cầu:

Câu 1. (0,5 điểm) $\frac{3}{4}$ được viết thành số thập phân nào? M2

- A. 7,5 B. 0,075 C. 0,75 D. 7,50

Câu 2. (0,5 điểm) Làm tròn số thập phân 23,374 đến hàng phần mười là: M1

- A. 23,4 B. 23,37 C. 23,375 D. 23,474

Câu 3. (0,5 điểm) Một hình lập phương có cạnh 6cm. Thể tích hình lập phương là: M2

- A. 36cm³ B. 216cm³ C. 18cm³ D. 64cm³

Câu 4. (0,5 điểm) Một ô tô khởi hành từ A lúc 6 giờ 15 phút và đến B lúc 9 giờ 15 phút. Tính vận tốc của ô tô, biết quãng đường AB dài 165km?

- A. 55km/giờ B. 45km/giờ C. 60km/giờ D. 65km/giờ

Câu 5. (0,5 điểm) 25% của là 1000 là? M1	
Câu 6. (0,5 điểm) Một bể cá có thể tích 300dm ³ , chiều dài 10dm, chiều rộng 5dm. Vậy chiều cao của bể cá là? M2	
Câu 7. (0,5 điểm) Giá bán một chiếc áo sơ mi là 150 000 đ. Nhân dịp nghỉ lễ 30/4, cửa hàng giảm 20% giá bán. Vậy bán chiếc áo sơ mi mà cửa hàng đã giảm giá là bao nhiêu? M2	
Câu 8. (0,5 điểm) Một hình tròn có đường kính là 8dm thì diện tích hình tròn đó là? M2	

PHẦN II. TỰ LUẬN (6 điểm):

Bài 1. (2 điểm) Đặt tính rồi tính:

a) 42 ngày 16 giờ + 9 ngày 18 giờ

b) 28 giờ 85 phút - 9 giờ 52 phút

.....
.....
.....
.....

c) 3 giờ 18 phút x 3

d) 15 giờ 20 phút : 5

a) $0,6 \text{ dm}^3 = \dots\dots\dots \text{ cm}^3$

b) 5 tấn 45kg = tấn

c) 3,5 năm = tháng

d) $1,9 \text{ dam}^2 = \dots\dots\dots \text{m}^2$

Bài 3. (2,5 điểm) Một ô tô xuất phát từ quận Hà Đông thành phố Hà Nội lúc 6 giờ 15 phút và đến huyện Quảng Xương tỉnh Thanh Hóa lúc 10 giờ 00 phút. Ô tô đi với vận tốc 44 km/giờ và nghỉ dọc đường mất 15 phút. Tính độ dài quãng đường ô tô đã đi?

Bài 4. (0,5 điểm) Tính bằng cách thuận tiện nhất: $7,5 + 7,5 \times 2 + 7,5 \times 3 + 7,5 : 0,25$

MÔ TẢ, PHÂN TÍCH VÀ MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**Môn: Toán – Lớp 5, Năm học: 2024 – 2025***Thời gian làm bài: 40 phút***I. MÔ TẢ ĐỀ KIỂM TRA**

- Môn: Toán
- Lớp: 5
- Năm học: 2024–2025
- Hình thức: Kiểm tra định kỳ cuối học kỳ II theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT
- Thời gian làm bài: 40 phút
- Cấu trúc đề gồm 2 phần:

1. Phần Trắc nghiệm (4 điểm):

- Gồm 8 câu hỏi, mỗi câu 0,5 điểm.
- Nội dung bao quát kiến thức về số thập phân, đơn vị đo, thể tích, vận tốc, phần trăm, hình học, tính giá trị biểu thức.

2. Phần Tự luận (6 điểm):

- **Gồm 4 bài:**
 - + Bài 1: Thực hiện phép tính (2 điểm)
 - + Bài 2: Chuyển đổi đơn vị đo (1 điểm)
 - + Bài 3: Giải toán có lời văn liên quan đến vận tốc và thời gian (2,5 điểm)
 - + Bài 4: Tính biểu thức bằng cách thuận tiện nhất (0,5 điểm)

II. PHÂN TÍCH ĐỀ KIỂM TRA

- Đề kiểm tra bám sát chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình Toán lớp 5.
- Phần trắc nghiệm đánh giá kiến thức cơ bản và kỹ năng tính toán nhanh, chính xác.
- Phần tự luận yêu cầu học sinh vận dụng linh hoạt các phép toán và giải quyết vấn đề thực tiễn.
- Có sự phân hóa rõ ràng qua các mức độ: nhận biết, thông hiểu và vận dụng.
- Nội dung bao phủ các mạch kiến thức chính: số học, đại lượng và đo đại lượng, yếu tố hình học, giải toán.
- Hình thức đề rõ ràng, dễ hiểu, phù hợp với đối tượng học sinh lớp 5.

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA MÔN TOÁN – LỚP 5

Mạch kiến thức, kỹ năng	Mức 1 (Nhận biết)	Mức 2 (Thông hiểu)	Mức 3 (Vận dụng)	Tổng
Số học	1,0 điểm	1,0 điểm	1,0 điểm	3,0 điểm
Giải toán có lời văn		0,5 điểm	2,0 điểm	2,5 điểm
Đại lượng và đo đại lượng	1,0 điểm	1,0 điểm		2,0 điểm
Yếu tố hình học	0,5 điểm	0,5 điểm		1,0 điểm
Yếu tố thống kê và biểu thức	0,5 điểm	0,5 điểm	0,5 điểm	1,5 điểm
Tổng	3,0 điểm	3,5 điểm	3,5 điểm	10,0 điểm